

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
Công trình: Trụ sở làm việc Mặt trận Tổ quốc và khối đoàn thể
chính trị - xã hội huyện Như Thanh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH4 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3524/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chủ trương đầu tư dự án: Trụ sở làm việc Mặt trận Tổ quốc và khối đoàn thể chính trị - xã hội huyện Như Thanh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4717/SXD-HĐXD ngày 17/7/2023 về phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Trụ sở làm việc Mặt trận Tổ quốc và khối đoàn thể chính trị - xã hội huyện Như Thanh (kèm theo hồ sơ dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Trụ sở làm việc Mặt trận Tổ quốc và khối đoàn thể chính trị - xã hội huyện Như Thanh với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Trụ sở làm việc Mặt trận Tổ quốc và khối đoàn thể chính trị - xã hội huyện Như Thanh.

2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III, thời hạn sử dụng 50-100 năm.

3. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh.

4. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Huyện ủy Như Thanh tại thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh.

5. Nhà thầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Thống Nhất.

6. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa.

7. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo điều kiện làm việc cho cán bộ công chức của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện Như Thanh, nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

8. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu

8.1. Trụ sở làm việc

a) Giải pháp kiến trúc:

Công trình có quy mô 04 tầng, mặt bằng công trình hình chữ nhật kích thước từ tim trục đến tim trục (24,15x9,79)m; chiều cao tầng 1 là 3,9m; chiều cao tầng 2 và tầng 3 là 3,6m; chiều cao tầng 4 là 3,9m; chiều cao mái là 2,45m; chiều cao công trình tính từ cos 0,00m đến cos đỉnh mái là 17,45m; cos nền cao hơn cos sân hoàn thiện là 0,5m. Giao thông đứng trong công trình bằng 01 cầu thang bộ; 01 cầu thang máy và 01 cầu thang thoát hiểm, giao thông ngang bằng hành lang giữa nhà rộng 2,1m.

Mặt bằng tầng 1 bố trí 06 phòng làm việc, sảnh và 01 khu WC nam nữ riêng biệt. Mặt bằng tầng 2 bố trí 07 phòng làm việc và 01 khu WC nam nữ riêng biệt. Mặt bằng tầng 3 bố trí 07 phòng làm việc và 01 khu WC nam nữ riêng biệt. Mặt bằng tầng 4 bố trí 02 phòng làm việc, sảnh, phòng tài liệu lưu trữ, phòng họp 50 chỗ và 01 khu WC nam nữ riêng biệt.

Tường các tầng xây gạch không nung vữa xi măng (VXM) mác 75, trát trong nhà VXM mác 50, trát ngoài nhà VXM mác 75, trát trần, gờ, phào, cạnh cửa VXM mác 75. Tường, trần lăn sơn trực tiếp 03 nước. Mái trang trí gác xà gỗ thép và lợp tôn giả ngói. Tường khu vệ sinh ốp gạch Ceramic kích thước (300x600)mm cao 2,4m. Trần khu vệ sinh đóng trần nhựa khung xương.

Nền sàn các phòng và hành lang lát gạch Ceramic kích thước (600x600)mm, riêng khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước (300x300)mm.

Cửa đi sử dụng cửa nhôm hệ, cửa kính cường lực, cửa chống cháy; cửa sổ bằng cửa nhôm hệ, kính an toàn 6,38mm; hoa sắt cửa sổ bằng inox.

b) Phương án kết cấu:

Giải pháp móng bằng BTCT đá 1x2, mác 250. Dầm, giằng móng bằng BTCT đá 1x2, mác 250; tường móng xây gạch không nung VXM mác 75.

Kết cấu phần thân sử dụng khung BTCT chịu lực. Hệ cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 250 toàn khối đổ tại chỗ. Tiết diện dầm điển hình: 220x350mm; 220x500mm; 220x620mm; tiết diện cột điển hình 220x300mm; 220x220mm; sàn BTCT điển hình dày 120mm; bản thang BTCT dày 120mm.

c) Phần điện và chống sét:

Hệ thống điện lấy từ nguồn điện của khu vực, kéo vào công trình bằng cáp loại Cu /XLPE/DSTA/PVC 3x25+1x16mm² đi đến tủ điện tổng. Hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống gen nhựa cứng đi ngầm trong tường và trần.

Công trình sử dụng kim thu sét thép $\phi 16$, dây dẫn sét thép $\phi 10$. Hệ cọc tiếp địa bằng thép hình kích L63x63x6mm. Dây tiếp địa bằng thép dẹt là 30x3mm.

d) Phần cấp và thoát nước:

Cấp nước: Nước cấp cho công trình được lấy từ nguồn nước của khu vực qua bể nước ngầm và được bơm lên téc nước đặt trên mái sau đó cấp xuống thiết bị dùng nước tại các khu vệ sinh. Ống cấp nước sử dụng các ống PPR.

Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ phễu sàn, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài.

Nước mưa trên mái được thu về sânô xung quanh mái, vào các ống đứng thoát nước PVC D90 và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

e) Phần phòng chống mối: Chống mối mặt nền trong công trình và chống mối ngoài bằng hào rộng (0,5x0,8)m.

f) Phần PCCC và thang thép thoát hiểm:

- Hệ thống PCCC trong công trình gồm: Đầu báo cháy khói, tổ hợp chuông, đèn, nút ấn, hộp kỹ thuật, dây tín hiệu; đèn chiếu sáng sự cố; đèn chỉ dẫn thoát nạn; sơ đồ thoát nạn; bình chữa cháy; hộp đựng dụng cụ phá dỡ; nội quy và tiêu lệnh chữa cháy.

- Thang sắt thoát hiểm ngoài nhà sử dụng kết cấu thép được liên kết bằng liên kết bu lông và hàn. Móng thang sử dụng bê tông đá 1x2 mác 250.

8.2. Hạ tầng kỹ thuật:

- Hệ thống thoát nước ngoài nhà: Rãnh thoát nước rộng 400mm (lòng rãnh). Thành rãnh xây gạch, nắp bằng tấm đan BTCT mác 200 dày 100mm.

- Hệ thống chữa cháy ngoài nhà gồm: Trụ chữa cháy ngoài nhà; Hạng nước chữa cháy; hộp đựng phương tiện chữa cháy ngoài nhà.

- Sân bê tông xi măng có cấu tạo gồm: Đất nền dọn sạch, lớp cát bù dày 8cm; nilong tái sinh; bê tông đá 1x2 mác 250 dày 100mm.

- Sân lát đá có cấu tạo gồm: Đất nền dọn sạch; nilong tái sinh; bê tông đá 1x2 mác 250 dày 10cm; lớp vữa lót mác 75 dày 20mm; lát đá kích thước (300x300x30)mm.

- Cấp điện cho công trình bằng cáp luôn trong ống HDPE đi ngầm.

- Bồn cây bằng đá phiến kích thước (180x300x1200)mm.

9. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 10.391.760.000 đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng : 8.246.557.681 đồng;

- Chi phí thiết bị	:	412.500.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	219.117.292	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	:	760.054.889	đồng;
- Chi phí khác	:	98.263.888	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	655.266.030	đồng.

(có phụ lục chi tiết kèm theo).

10. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 5 tỷ đồng; huyện Như Thanh chịu trách nhiệm bố trí phần còn lại (5,5 tỷ đồng) từ ngân sách huyện và các nguồn huy động hợp pháp khác.

11. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện quản lý dự án.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2023-2024.

13. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4717/SXD-HĐXD ngày 17/7/2023.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư (Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

2. Chủ đầu tư (Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Giao UBND huyện Như Thanh theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra Chủ đầu tư thực hiện dự án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Như Thanh; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN. (DA_M73)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Dự án: Trụ sở làm việc Mặt trận Tổ quốc và khối đoàn thể chính trị - xã hội huyện Như Thanh

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
1	Chi phí xây dựng			Theo bảng tổng hợp dự toán	7.573.247.694	673.309.987	8.246.557.681
2	Chi phí thiết bị			Theo bảng tổng hợp dự toán	375.000.000	37.500.000	412.500.000
3	Chi phí quản lý dự án	3,446%	0,8	(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	219.117.292		219.117.292
4	Chi phí tư vấn ĐTXD				704.315.508	55.739.381	760.054.889
4.1	Chi phí khảo xây dựng			Do chủ đầu tư phê duyệt	41.341.667	3.307.333	44.649.000
4.2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát				1.148.148	91.852	1.240.000
4.3	Chi phí giám sát công tác khảo sát				1.558.333	124.667	1.683.000
4.4	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	4,129%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	328.183.147	26.254.652	354.437.799
4.5	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	0,258%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	19.538.979	1.563.118	21.102.097
4.6	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	0,25%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	18.933.119	1.514.650	20.447.769
4.7	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	0,432%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	32.716.430	2.617.314	35.333.744
4.8	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm vật tư, thiết bị	0,367%		Gtb trước thuế x tỷ lệ	1.376.250	110.100	1.486.350
4.9	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3,285%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	248.781.187	19.902.495	268.683.682
4.10	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	0,844%		Dự toán gói thầu TB trước thuế x tỷ lệ	3.165.000	253.200	3.418.200

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
4.11	Chi phí thẩm định HSMT, HSYC	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	3.786.624		3.786.624
4.12	Chi phí thẩm định kết quả LCNT	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	3.786.624		3.786.624
5	Chi phí khác				97.658.028	605.860	98.263.888
5.1	Chi phí bảo hiểm công trình	0,08%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	6.058.598	605.860	6.664.458
5.2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	0,019%	0,25	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	493.609		493.609
5.3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,389%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	40.423.946		40.423.946
5.4	Chi phí thẩm định phê duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy			Theo biên lai thu	925.638		925.638
5.5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	20%		Chi phí giám sát thi công xây dựng x tỷ lệ	49.756.237		49.756.237
6	Chi phí dự phòng						655.266.030
6.1	Yếu tố khối lượng phát sinh	4,44%		(Gxd+Gtb+Gqlđa+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			432.300.323
6.2	Yếu tố trượt giá	2,29%		(Gxd+Gtb+Gqlđa+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			222.965.707
	Tổng cộng						10.391.759.780
	Làm tròn						10.391.760.000